

Bản án số: 14/2022/HS-ST
Ngày: 24/02/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Thiện N

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị T

Bà Nguyễn Thị Thanh H

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị T, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phúc T, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 371/2021/HSST ngày 20/12/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2022/QĐXXST-HS ngày 11/01/2022, đối với bị cáo:

Phạm Thành D, sinh năm 1994 tại Thái Bình; Nơi ĐKKHKT: số 69 T, Tổ 12, phường T, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn H (đã chết) và bà Đào Thị N; **Tiền án, tiền sự:** Không; Vợ: Nguyễn Thị Hồng A; Có 01 con sinh năm 2018; Danh chỉ bản số 631 ngày 20/9/2021, tại Công an quận Nam Từ Liêm; Bị cáo đầu thú, tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/9/2021; Có mặt.

* **Bị hại:** Chị Đào Thị Y, sinh năm 1991; ĐKKHKT: Số 4A, ngách 23/82, TDP số 4, phường P, quận Nam Từ Liêm Thành phố Hà Nội; Vắng mặt;

* **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Nguyễn Công T, sinh năm 1987, HKTT: Số 55A, P, phường T, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội; Có mặt;

2. Anh Đinh Hồng Q, sinh năm 1997; Nơi ĐKKHKT: thôn K, xã H, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình; Vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Ngày 11/4/2021, Phạm Thành D đến nhà em họ là chị Đào Thị Y, sinh năm 1991 tại số 4A ngách 23/82, TDP số 4,

phường P, Nam Từ Liêm, Hà Nội để chơi. Tại đây, chị Y nhờ D thay đổi màu sơn của chiếc xe máy Honda SH125i, BKS: 17B9 - 350.86 từ màu sơn đen - bạc sang màu sơn trắng, D đồng ý và nói nếu đổi màu sơn xe máy thì phải thay đổi lại Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy, chị Y đồng ý và giao cho D chiếc xe máy Honda SH 125i, BKS: 17B9 - 350.86 cùng Giấy chứng nhận đăng ký xe máy trên và gửi hình ảnh căn cước công dân của chị Y cho D qua Zalo để D thay đổi màu sơn của xe và làm lại giấy chứng nhận đăng ký xe.

Sau khi nhận xe máy từ chị Y, D đi đến cửa hàng sửa chữa xe máy tại địa chỉ số 8 đường Trần Kim X, phường T, quận Cầu Giấy, Hà Nội để đổi màu sơn xe nhưng do cửa hàng đông khách nên D không vào sửa xe mà đi về nhà chị gái là Phạm Thị T, sinh năm 1987 tại địa chỉ số 77 ngõ 20 đường M, phường M 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội để ăn trưa. Khoảng 13 giờ cùng ngày, do cần tiền để chi tiêu cá nhân nên D đã nảy sinh ý định mang xe máy của chị Y đi cầm cố. Đến 14 giờ cùng ngày, D điều khiển chiếc xe máy trên đi đến cửa hàng cầm đồ H tại số 121 phố P, phường L, quận Đống Đa, Hà Nội do anh Trần Quang H, sinh năm 1983, HKTT: số 407, tổ 17, phường L, quận Đống Đa, Hà Nội là chủ cửa hàng. Tại đây, D đặt vấn đề cầm cố chiếc xe máy trên lấy số tiền 50 triệu đồng trong thời hạn 01 tuần. Anh H hỏi D về nguồn gốc chiếc xe thì D trả lời chiếc xe mua của em gái. Thấy xe máy không chính chủ nên Anh H không đồng ý nhận cầm cố và bảo D muốn cầm cố được xe thì phải viết giấy bán xe có công chứng giữa người đứng đăng ký xe máy với Anh H thì mới đồng ý nhận cầm cố. Do cần tiền nên D đồng ý và bảo Anh H cho D viết giấy bán xe trước để cầm cố lấy số tiền 50 triệu đồng còn D sẽ về bảo chị Y (người đăng ký xe máy) lập hợp đồng mua bán xe có công chứng giữa chị Y và Anh H sau. Tin tưởng D, Anh H đồng ý nhận cầm cố xe với giá 50 triệu đồng. Số tiền cầm cố xe, D đã sử dụng vào mục đích chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 14/4/2021, D liên hệ với Anh H và bảo Anh H chụp gửi cho D hình ảnh căn cước công dân, hình mẫu chữ ký và chữ viết họ tên của Anh H để D làm thủ tục công chứng mua bán xe máy giữa Anh H với chị Y. Đồng thời, D liên hệ bảo chị Y gửi chữ ký, chữ viết họ tên của chị Y để D đi làm thủ tục đổi màu sơn xe. Tin tưởng D, chị Y đã gửi chữ ký, chữ viết họ tên của mình qua mạng Zalo cho D. Sau khi nhận được mẫu chữ ký và hình ảnh căn cước công dân của Anh H và chị Y. D đã liên hệ với Phạm Thị K, sinh năm 1993; HKTT: Đội 10, T, V, Hưng Hà, Thái Bình là bạn D quen biết ngoài xã hội để nhờ Kiều làm thủ tục công chứng hợp đồng mua bán xe máy giữa Anh H và chị Y, D nói là xe máy của D mua lại của chị Y. Kiều đồng ý và yêu cầu D đưa số tiền 600.000 đồng để làm thủ tục. Sau đó, D đã gửi cho Kiều thông tin, mẫu chữ ký của Anh H và chị Y để K đi làm hợp đồng công chứng mua bán xe máy. Ngày 16/4/2021, sau khi có các thông tin do D gửi, K đã liên hệ với Lê Văn T, sinh năm 1989, HKTT: H, N, Nghĩa Đàn, Nghệ An, là cộng tác viên của Văn phòng công chứng H tại số 22 ngõ 173, đường H, phường N, quận Ba Đình, Hà Nội để nhờ T lập hợp đồng công chứng mua bán xe máy cho Anh H và chị Y, K đã chuyển toàn bộ thông tin liên quan đến Anh H chị Y cho T.

Sau khi nhận được thông tin, T đã soạn 03 hợp đồng công chứng mua bán xe máy giữa Anh H và chị Y sau đó nhờ một người đàn ông (không rõ nhân thân, lai lịch) ở khu vực Ba Đình, Hà Nội ký giả chữ ký của Anh H và nhờ một người phụ nữ (không rõ nhân thân, lai lịch) ở khu vực Cầu Giấy, Hà Nội ký giả chữ ký của chị Y theo mẫu mà K đã gửi cho T sau đó T đưa cho bà Hoàng Thị Bích D, là Công chứng viên của Văn phòng công chứng H và nói đã xác thực nội dung giữa các bên có liên quan. Bà D do tin tưởng T nên sau đó đã ký tại phần chứng thực của Công chứng viên trên hợp đồng. Sau khi bà D ký chứng thực, T cầm đưa cho văn thư của Văn phòng công chứng đóng dấu và lưu lại một bản, còn hai bản hợp đồng T cầm đưa cho K. Sau khi nhận được hợp đồng công chứng, K đã đưa cho T số tiền 300.000 đồng và T đã đem nộp về Văn phòng công chứng H. K sau đó đã liên hệ với D báo làm xong hợp đồng công chứng mua bán xe giữa Anh H với chị Y, D đã cho K địa chỉ của Anh H để K thuê xe ôm đưa hợp đồng mua bán xe cho Anh H, Anh H kiểm tra thấy có dấu công chứng của Văn phòng công chứng H nên tin tưởng tiếp tục để D cầm cố chiếc xe máy trên.

Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 18/4/2021, do cần tiền chi tiêu cá nhân nên D tiếp tục nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị Y. D sau đó lấy hình ảnh chiếc xe máy SH 125i sơn màu trắng trên mạng xã hội rồi gửi cho chị Y và nói dối đã sơn xong xe máy của chị Y sang màu sơn trắng và bảo chị Y chuyển cho D số tiền 2.800.000 đồng để trả tiền sơn và tiền làm thủ tục chuyển màu sơn trên đăng ký xe. Tin tưởng D nói thật nên tại nhà mình tại số 4A ngách 23/82, tổ dân phố số 4, phường P, Nam Từ Liêm, Hà Nội, chị Y đã chuyển khoản số tiền 2.800.000 đồng từ tài khoản 19034774034016 tại ngân hàng Techcombank đến tài khoản số 0691000365206 của D tại Ngân hàng Vietcombank. Số tiền chiếm đoạt được 2.800.000 đồng, D đã chi tiêu cá nhân hết.

Khoảng 17 giờ cùng ngày 18/4/2021, D gặp bạn là anh Đinh Hồng Q, sinh năm 1997, HKTT: thôn K, xã H, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình tại khu vực quận Thanh Xuân, Hà Nội. Tại đây, D nói chuyện với anh Q về việc bản thân có chiếc xe SH 125i (mua của em gái) đang cầm cố tại cửa hàng cầm đồ của Anh H với số tiền 50 triệu đồng. D đã trao đổi với anh Q và tả đặc điểm, chất lượng của xe và bảo anh Q nếu đồng ý mua thì D sẽ bán chiếc xe trên với giá 70.000.000 đồng. Tin tưởng D nên anh Q đồng ý mua lại chiếc xe máy trên. D đã điện thoại liên hệ với Anh H để xin trả tiền và chuộc lại xe. Anh H đồng ý và yêu cầu D khi lấy xe thì trả số tiền 52 triệu đồng cho Anh H. D đồng ý và nói với Anh H sẽ có bạn D liên hệ đến chuyển tiền và lấy xe. D cho Quân số điện thoại của Anh H để hai người tự liên hệ với nhau. Anh Q sau đó đã đến cửa hàng của Anh H gặp, kiểm tra xe và trả cho Anh H số tiền 52 triệu đồng và nhận lại xe cùng giấy đăng ký xe, giấy tờ mua bán xe. Ngay sau khi lấy được xe máy từ Anh H, Quân đã chuyển khoản trả cho D số tiền còn lại là 18 triệu đồng và D đã chi tiêu cá nhân hết.

Sau nhiều ngày không thấy D mang trả xe nên chị Y có nhắn tin hỏi D thì D đưa ra nhiều lý do để trì hoãn việc trả xe cho chị Y. Đến ngày

03/5/2021, D thừa nhận với chị Y là đã bán chiếc xe máy trên cho anh Q lấy số tiền 70 triệu đồng và chi tiêu cá nhân hết. D xin chị Y cho mấy ngày để D chuộc lại xe trả cho chị Y. Vì có mối quan hệ là anh em họ nên chị Y đồng ý. Cùng ngày, chị Y đã liên hệ với chị gái ruột của D là chị Phạm Thị C, sinh năm 1985, HKTT: số 69, T, tổ 12, phường T, Thái Bình nói việc D đã chiếm đoạt số tiền 2.800.000 đồng của chị Y thông qua việc chị Y nhờ đi đổi màu sơn xe máy nên chị C đã tự nguyện bồi thường trả lại cho chị Y số tiền 2.800.000 đồng.

Sau khi mua được xe máy của D, anh Q có kể với bạn là anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1991, HKTT: thôn V, xã H, huyện Mỹ Đức, Hà Nội, làm nghề buôn bán xe máy cũ tại số 42, ngõ 109, phố Q, phường N, quận Thanh Xuân, Hà Nội để nhờ anh T1 làm thủ tục rút hồ sơ, sang tên đổi chủ chiếc xe cho anh Q. Anh Q đã cho anh T1 số điện thoại của chị Y (do trước đó, D đã cho Quân số điện thoại của chị Y). Khi T1 gọi điện cho chị Y nói việc D đã bán xe máy đăng ký tên chị Y cho anh Q và xin chị Y xác nhận vào giấy bán xe để anh Q làm thủ tục sang tên đổi chủ. Biết việc D đã bán chiếc xe máy trên của mình nên chị Y đặt vấn đề xin anh T1 và anh Q để chị Y được mua lại chiếc xe trên. Anh T1 và anh Q đồng ý và nói với chị Y là D bán xe trên với số tiền 70 triệu đồng cho anh Q, nếu chị Y muốn mua lại xe thì đến địa chỉ số 42 ngõ 109, phố Q, phường N, quận Thanh Xuân, Hà Nội để mua lại xe. Chị Y hẹn anh T1 và Q đến ngày 28/5/2021 sẽ mang tiền đến chuộc, anh T1 và anh Q đồng ý. Đến ngày 28/5/2021, không thấy chị Y đến chuộc chiếc xe máy và do cần tiền chi tiêu cá nhân nên Q đã mang chiếc xe máy Honda SH 125i, BKS: 17B9 - 350.86 mua của D đi cầm cố tại cửa hàng cầm đồ F88, địa chỉ: số 2A, đường T, phường T, quận Cầu Giấy, Hà Nội lấy số tiền 54.700.000 đồng, thời gian cầm cố là 01 tháng và khi nào chị Y đến chuộc xe thì anh Q sẽ lấy xe về để cho chị Y chuộc lại. Số tiền cầm cố xe, Q đã chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 20/5/2021, chị Y đã có đơn tố cáo Phạm Thành D về hành vi chiếm đoạt chiếc xe máy trên đến Công an quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

Ngày 28/5/2021, anh Nguyễn Công T, sinh năm 1987, HKTT: số 55A, Phùng Khoang, phường Trung Văn, TP. Hà Nội là trưởng phòng giao dịch của cửa hàng F88 đã bàn giao 01 xe máy Honda SH125i, BKS: 17B9 - 350.86, 01 đăng ký xe máy số 039171 và 01 giấy chứng nhận bảo hiểm TNDS bắt buộc số 21XM21119 cho Cơ quan điều tra để điều tra làm rõ.

Ngày 07/9/2021, Phạm Thành D đến Công an quận Nam Từ Liêm đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 225 ngày 26/5/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự quận Nam Từ Liêm, xác định: “xe máy Honda SH 125i, BKS: 17B9 - 350.86, trị giá 65.000.000 đồng”.

Ngày 26/7/2021, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 83 trao trả lại 01 xe máy Honda SH 125i, BKS: 17B9 - 350.86, 01 đăng ký xe máy số 039171 và 01 giấy chứng nhận bảo hiểm TNDS bắt buộc số 21XM211196734 cho chị Y.

Qua xác minh đối với Hợp đồng mua bán xe máy có số Công chứng 1077.3; Quyết số 01/2021/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng H xác định hợp đồng mua bán xe máy có số công chứng trên được lập tại Văn phòng công chứng H và do công chứng viên Hoàng Thị Bích Diệp chứng nhận.

Tại Kết luận giám định số 8039 ngày 13/11/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hà Nội, kết luận: *“Chữ ký, chữ viết dòng họ tên Trần Quang H dưới chữ ký trên mẫu cần giám định với chữ ký, chữ viết đứng tên Trần Quang H trên các mẫu so sánh: Không phải là chữ do cùng một người ký và viết ra. Chữ ký, chữ viết dòng họ tên Đào Thị Y dưới chữ ký trên mẫu cần giám định với chữ ký, chữ viết trên các mẫu so sánh: Không phải là chữ do cùng một người ký và viết ra. Chữ ký đứng tên Hoàng Thị Bích D trên mẫu cần giám định với chữ ký đứng tên Hoàng Thị Bích D trên các mẫu so sánh: là chữ do cùng một người ký ra. Hình dấu tròn có nội dung VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG H trên mẫu so sánh do cùng một con dấu đóng ra. Chữ ký, chữ viết đứng tên Phạm Thành D trên mẫu cần giám định với chữ ký, chữ viết đứng tên Phạm Thành D trên các mẫu so sánh: là chữ do cùng một người viết và ký ra”*.

Quá trình điều tra xác định Văn phòng công chứng H, Công chứng viên cùng những người liên quan không thực hiện đúng các quy định trong hoạt động công chứng, chứng thực nên căn cứ quy định về phân định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính tại Điều 88 Nghị định 82/2020/NĐ – CP ngày 15/7/2020 của Chính Phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân và gia đình, thi hành án dân sự, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã. Cơ quan điều tra đã có Công văn số 2763 ngày 03/12/2021 đề nghị Sở Tư pháp thành phố Hà Nội xem xét xử lý đối với Văn phòng công chứng H cùng những người có liên quan theo quy định của pháp luật. Đối với hành vi nhận cầm cố xe máy của Trần Quang H và Nguyễn Công T; hành vi mua xe máy của Đinh Hồng Q và hành vi làm hợp đồng và công chứng hợp đồng mua bán xe máy của Phạm Thị K, Lê Văn T và của Công chứng viên Hoàng Thị Bích D: Do H, T, K, T và D đều không biết xe máy là tài sản do D phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Ngày 03/12/2021, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 582 và số 583 đối với Nguyễn Công T và Trần Quang H về hành vi "Cầm cố tài sản thuộc sở hữu của người khác mà không có giấy ủy quyền hợp lệ của người đó cho người mang tài sản đi cầm cố" theo điểm e khoản 2 Điều 11 Nghị định 167/2013 của Chính phủ với mức phạt mỗi người là 3.500.000 đồng.

Do hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của Phạm Thành D xảy ra tại phường L, quận Đống Đa, Hà Nội nên Cơ quan điều tra đã có văn bản trao đổi về thẩm quyền giải quyết vụ án với Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Đống Đa và tiếp tục điều tra, giải quyết vụ án theo đề nghị của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Đống Đa và quy định tại khoản 4 Điều 163 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Về dân sự: Chị Đào Thị Y không yêu cầu bồi thường về dân sự; anh Đinh Hồng Q yêu cầu bồi thường 70.000.000 đồng; anh Nguyễn Công T yêu cầu các bên liên quan bồi thường trả lại 54.700.000 đồng.

Bản Cáo trạng số 13/CT-VKSNTL ngày 30/12/2021 của Viện kiểm sát nhân quần Nam Từ Liêm truy tố bị cáo Phạm Thành D về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo thừa nhận hành vi như nội dung vụ án nêu trên, xin được giảm nhẹ hình phạt.

- Đại diện Viện kiểm sát sau khi phân tích tính chất mức độ hành vi phạm tội, đánh giá nhân thân của các bị cáo đã kết luận giữ quan điểm như cáo trạng truy tố. Đề nghị áp dụng Khoản 1 Điều 174, điểm c khoản 2 Điều 175, Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 55 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phạm Thành D mức án từ 07 đến 10 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, mức án từ 30 đến 36 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt của cả hai tội, xử phạt bị cáo mức án từ 37 đến 46 tháng tù. Về dân sự: anh Nguyễn Công T yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 54.700.000 đồng; anh Đinh Hồng Q yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 15.300.000 đồng đề nghị chấp nhận yêu cầu của những người liên quan buộc bị cáo phải bồi thường. Về vật chứng: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của bị cáo Phạm Thành D tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại cùng các tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở để xác định:

Ngày 11/4/2021, tại tổ dân phố số 4, phường P, Nam Từ Liêm, Hà Nội, chị Đào Thị Y đã giao chiếc xe máy Honda SH 125i, BKS: 17B9 - 350.86 trị giá 65.000.000 đồng cho Phạm Thành D để nhờ D đi thay đổi màu sơn xe máy. D sau đó do thiếu tiền chi tiêu cá nhân nên đã dùng thủ đoạn gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản và đã đem xe của chị Y đi cầm cố cho anh Trần Quang H tại số 121 phố Pháo Đài Láng, phường L, quận Đống Đa, Hà Nội lấy số tiền 50.000.000 đồng. Sau đó đến ngày 18/4/2021, D tiếp tục có hành vi gian dối để anh Q trả tiền chuộc xe và sau đó bán cho anh Đinh Hồng Q với giá 70.000.000 đồng. Hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ các yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Khoảng 14 giờ 30 phút, ngày 18/4/2021, tại tổ dân phố số 4, phường P, Nam Từ Liêm, Hà Nội, Phạm Thành D có hành vi nói dối là đã sơn xong xe để chị Đào Thị Y tin tưởng là thật và đã chuyển tiền cho D, qua đó đã lừa

chiếm đoạt của chị Y số tiền 2.800.000 đồng. Hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ các dấu hiệu cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, phù hợp pháp luật.

[2] Đánh giá về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thể hiện thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, đã bồi thường cho người bị hại, bị cáo đầu thú nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các Điểm b, s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, lần đầu phạm tội.

[3] Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã được phân tích ở trên thì có đủ căn cứ áp dụng hình phạt tù có thời hạn trong khung hình phạt như Đại diện Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa là phù hợp.

[4] Về dân sự, các biện pháp tư pháp: Tại phiên tòa bị cáo nhất trí với yêu cầu bồi thường của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, không có ý kiến gì nên cần buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Nguyễn Công T số tiền 54.700.000 đồng; bồi thường cho anh Đinh Hồng Q số tiền 15.300.000 đồng theo quy định tại Khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự và các Điều 584, 585, 586 và 589 của Bộ luật Dân sự.

[5] Bị cáo phải chịu án phí hình sự, án phí dân sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 174, điểm c khoản 2 Điều 175, các Điểm b, s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 55 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586 và 589 của Bộ luật Dân sự; các Điều 136, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các điểm a, c Khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên bố bị cáo Phạm Thành D phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

- Xử phạt bị cáo Phạm Thành D 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 30 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt của cả hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 36 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/9/2021.

- Về dân sự: Buộc bị cáo Phạm Thành D bồi thường cho anh Nguyễn Công T số tiền 54.700.000 đồng; bồi thường cho anh Đinh Hồng Q số tiền 15.300.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm và 3.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận :

- Bị cáo, người bị hại;
- VKSND quận Nam Từ Liêm;
- VKSND TP. Hà Nội;
- TAND TP. Hà Nội;
- Công an Q. Nam Từ Liêm;
- Chi cục THADS Q. Nam Từ Liêm;
- Bộ phận THAHS TAND Q. Nam Từ Liêm;
- Lưu HS, VP.